

Số: **1361** /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **21** tháng **12** năm **2012**

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Ủy ban Olympic Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 ban hành Luật quy định về quyền lập hội;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Olympic Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Ủy ban Olympic Việt Nam đã được Đại hội đại biểu nhiệm kỳ IV (2012-2016) của Ủy ban thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2012.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

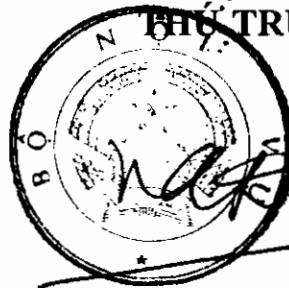
Điều 3. Chủ tịch Ủy ban Olympic Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *l. Đinh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Tổng cục Thể dục thể thao;
- Lưu: VT, Vụ TCPCP, M.

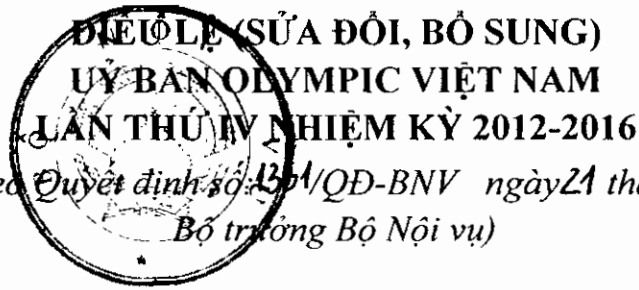
KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiên Dinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 134/QĐ-BNV ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH,
LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên chính thức: Ủy ban Olympic nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Tên gọi tắt: Ủy ban Olympic Việt Nam. Tên viết tắt: UBOVN.
3. Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Olympic Committee. Tên viết tắt: VOC.
4. Biểu tượng của UBOVN là hình quốc kỳ Việt Nam cờ đỏ sao vàng đặt phía trên 5 vòng tròn Olympic. Biểu tượng này đã được Ủy ban Olympic quốc tế (IOC) công nhận năm 1979, đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.



Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Ủy ban Olympic Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ủy ban) là tổ chức xã hội về thể dục thể thao.
2. Ủy ban tập hợp các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, các tổ chức thể thao tự nguyện, các tổ chức thành viên khác để phát triển phong trào thể dục thể thao nhằm mục đích: Rèn luyện sức khỏe, thể lực cho nhân dân; nâng cao thành tích thể thao, góp phần hoàn thiện thể chất và nhân cách con người Việt Nam; phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 3. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động

1. Ủy ban hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao trên phạm vi toàn quốc.
2. Ủy ban là đại diện hợp pháp duy nhất cho thể thao Việt Nam trong phong trào Olympic Quốc tế.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Ủy ban tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, công khai, quyết định theo đa số, không vì mục đích lợi nhuận.
2. Ủy ban chịu sự quản lý nhà nước về thể dục thể thao của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực hoạt động của Ủy ban; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về mọi hoạt động của Ủy ban; tuân thủ theo đúng Hiến chương Olympic và quy định của các tổ chức quốc tế khác mà Ủy ban là thành viên.

Điều 5. Tư cách pháp nhân

1. UBOVN được thành lập theo Quyết định số 500/TTg ngày 20/12/1976 của Thủ tướng Chính phủ.
2. UBOVN được Ủy ban Olympic Quốc tế (IOC) chính thức công nhận là thành viên của phong trào Olympic Quốc tế vào tháng 4 năm 1980.
3. UBOVN là thành viên của Hội đồng Olympic Châu Á (OCA) và Liên đoàn Thể thao Đông Nam Á (SEAGF).
4. UBOVN có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.
5. Trụ sở chính đặt tại Thủ đô Hà Nội.
6. Thành lập văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tính pháp lý của ngôn ngữ

Ngôn ngữ chính thức của UBOVN là tiếng Việt; ngôn ngữ giao dịch quốc tế chính thức là tiếng Anh và tiếng Pháp. Các văn kiện, văn bản chính thức được làm bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Pháp đều có giá trị pháp lý như nhau.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Phối hợp cùng các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, các tổ chức và cá nhân khác để:
 - a) Phát triển phong trào thể dục thể thao theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Hiến chương Olympic;
 - b) Tuyên truyền trong nhân dân đường lối, chính sách phát triển thể dục thể thao và lý tưởng cao đẹp của phong trào Olympic;
 - c) Phát triển phong trào thể thao cho mọi người, nhất là đối tượng thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên nhằm mục đích góp phần hoàn thiện thể chất, nhân cách con người Việt Nam, xây dựng nếp sống lành mạnh đồng thời tạo môi trường phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao cho đất nước;

d) Cùng với các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan hữu quan xây dựng chiến lược quy hoạch, kế hoạch đào tạo lực lượng vận động viên đỉnh cao và vận động viên trẻ; đẩy mạnh phát triển thể thao thành tích cao, tuyển chọn vận động viên, huấn luyện viên các Đội tuyển Quốc gia, tham dự các Đại hội và Giải thể thao quốc tế;

e) Hỗ trợ các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia tổ chức đăng cai các giải thể thao quốc tế tại Việt Nam;

2. Giúp đỡ các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, các tổ chức xã hội về thể thao của ngành, địa phương hoạt động;

3. Triển khai và tổ chức các chương trình, kế hoạch của IOC, OCA, SEAGF và các tổ chức quốc tế có liên quan khác theo đúng pháp luật Việt Nam và Hiến chương Olympic quốc tế;

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về hội.

Điều 8. Quyền hạn

1. Kiến nghị, đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cơ chế, chính sách phát triển phong trào thể dục thể thao theo quy định của pháp luật.

2. Quan hệ chặt chẽ với IOC, các Liên đoàn Thể thao Quốc tế (IFs), Hiệp hội các Ủy ban Olympic quốc gia (ANOC), OCA, SEAGF, Ủy ban Olympic quốc gia, vùng lãnh thổ (NOCs) theo quy định của pháp luật nhằm đóng góp tích cực cho sự phát triển đúng đắn của phong trào Olympic quốc tế.

3. Ký kết các văn bản hợp tác với NOCs và các tổ chức quốc tế khác theo quy định của pháp luật.

4. Cử đại biểu tham dự các cuộc họp của IOC, OCA, SEAGF và các tổ chức quốc tế khác theo quy định của pháp luật.

5. Huy động các nguồn lực của xã hội, thu hút các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế; tổ chức các hoạt động kinh tế, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tạo nguồn kinh phí cho hoạt động của UBOVN.

6. Ban hành và đảm bảo thực hiện các quy định về tổ chức các Đại hội Thể dục thể thao, các sự kiện thể thao khác thuộc thẩm quyền quản lý của UBOVN theo quy định của pháp luật và Hiến chương Olympic.

7. Sở hữu các quyền phát sinh từ các sự kiện thuộc quyền quản lý của UBOVN bao gồm quyền về tài chính, bản quyền truyền hình, truyền thông; quảng bá, tiếp thị và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Cấp phép sử dụng biểu tượng, biểu trưng, cờ, khẩu hiệu, hình ảnh, âm thanh và các hình thức dữ liệu khác thuộc quyền quản lý của UBOVN.

9. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về hội.

Chương III

TỔ CHỨC THÀNH VIÊN

Điều 9. Tổ chức thành viên của UBOVN

1. Các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia.
2. Các tổ chức, Hiệp hội quốc gia của huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài.
3. Các tổ chức khác được UBOVN công nhận là tổ chức thành viên.
4. UBOVN chỉ công nhận không quá một Liên đoàn, Hiệp hội quốc gia ở mỗi môn thể thao.

Điều 10. Thủ tục gia nhập UBOVN

1. Những tổ chức quy định tại Khoản 1,2,3 Điều 9 của Điều lệ này nếu có nguyện vọng trở thành tổ chức thành viên của UBOVN phải nộp hồ sơ xin gia nhập tại Văn phòng UBOVN theo quy định tại Khoản 2 Điều 10.

2. Hồ sơ xin gia nhập UBOVN gồm:

- a) Đơn xin gia nhập UBOVN;
- b) Bản sao Điều lệ và các quy định của tổ chức xin gia nhập;
- c) Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền;
- d) Danh sách lãnh đạo chủ chốt;
- đ) Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ của UBOVN;
- e) Văn bản cử đại diện của tổ chức tham gia UBOVN.

3. Thẩm quyền công nhận tổ chức thành viên do Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

4. Đại diện của tổ chức thành viên khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác thì người đương nhiệm mới sẽ được Ban Thường vụ quyết định bổ sung là đại diện tổ chức thành viên của UBOVN.

Điều 11. Nghĩa vụ của tổ chức thành viên UBOVN

1. Nghiêm chỉnh chấp hành, tuân thủ theo đúng Điều lệ của UBOVN.
2. Tích cực tham gia các hoạt động của UBOVN, đóng góp có hiệu quả vào việc phát triển phong trào thể dục thể thao và nâng cao thành tích thể thao Việt Nam.
3. Thông báo cho UBOVN tất cả những sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế hoạt động và các quy định khác có liên quan; hoạt động và danh sách cán bộ chủ chốt của tổ chức.
4. Định kỳ báo cáo về hoạt động của tổ chức với UBOVN.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các văn bản có liên quan của UBOVN.

Điều 12. Quyền và lợi ích của tổ chức thành viên UBOVN

1. Được giới thiệu đại diện của tổ chức để Đại hội đại biểu UBOVN bầu tham gia các cơ quan lãnh đạo của UBOVN.

2. Được UBOVN thông báo chương trình, kế hoạch hoạt động, để phối hợp thống nhất trong cả nước.

3. Được đề xuất, thảo luận về các chủ trương, kế hoạch hoạt động của UBOVN.

4. Được UBOVN bảo vệ lợi ích chính đáng trong hoạt động thể thao trước pháp luật và các tổ chức thể thao Olympic quốc tế theo quy định của pháp luật.

5. Có quyền xin ra khỏi UBOVN.

Điều 13. Khai trừ, ra khỏi UBOVN

1. Ban Chấp hành UBOVN được quyền khai trừ tổ chức thành viên thông qua Hội nghị thường kỳ hoặc bất thường hoặc Đại hội đại biểu bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín.

2. Tổ chức thành viên, Ủy viên Ban Chấp hành UBOVN bị khai trừ trong các trường hợp sau đây:

- a) Tổ chức thành viên đã bị giải thể hoặc sáp nhập;
- b) Tự nguyện xin ra khỏi UBOVN;
- c) Không tham dự 2 kỳ họp liên tục mà không có lý do chính đáng;
- d) Bị khai trừ do vi phạm Điều lệ của UBOVN hoặc Hiến chương Olympic.

3. Tổ chức thành viên, Ủy viên Ban Chấp hành muốn ra khỏi UBOVN phải có đơn gửi Ban Chấp hành xem xét, quyết định. Trước khi ra khỏi UBOVN phải bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho tổ chức, cá nhân được UBOVN uỷ nhiệm.

Chương IV CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 14. Cơ cấu tổ chức của UBOVN

1. Đại hội đại biểu.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các Ban chức năng, Văn phòng và các tổ chức trực thuộc.
6. Các tổ chức thành viên.

Điều 15. Đại hội đại biểu UBOVN

1. Đại hội đại biểu UBOVN là cơ quan lãnh đạo cao nhất của UBOVN. Nhiệm kỳ được tổ chức 4 (bốn) năm một lần do Ban Chấp hành triệu tập. Số lượng đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành quy định. Trong trường hợp cần thiết có thể tiến hành Đại hội bất thường.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu chỉ được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu được triệu tập có mặt.

3. Đại biểu tham dự Đại hội của UBOVN là đại diện của các tổ chức thành viên, đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến phong trào Olympic Việt Nam và các đại biểu khác được Ban Chấp hành quyết định triệu tập.

4. Đại hội bất thường được Ban Chấp hành triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành yêu cầu.

5. Nhiệm vụ của Đại hội UBOVN:

- a) Thông qua báo cáo công tác của UBOVN nhiệm kỳ trước;
- b) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, hoạt động của UBOVN nhiệm kỳ mới;
- c) Sửa đổi, bổ sung và thông qua Điều lệ;
- d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra UBOVN nhiệm kỳ mới;
- đ) Khen thưởng, kỷ luật;
- e) Các vấn đề khác được Đại hội chấp thuận xem xét;
- g) Thông qua Nghị quyết của Đại hội.

Điều 16. Ban Chấp hành UBOVN

1. Ban Chấp hành do Đại hội nhiệm kỳ bầu ra là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của UBOVN giữa hai kỳ Đại hội. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội đại biểu quyết định.

Trong nhiệm kỳ, có thể được bổ sung hoặc thay thế Ủy viên Ban Chấp hành theo yêu cầu phát triển của phong trào Olympic nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội bầu. Việc bổ sung hoặc thay thế Ủy viên Ban Chấp hành phải được Ban Thường vụ thông qua tại Hội nghị thường kỳ hoặc Hội nghị bất thường.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

- a) Bầu Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số Ủy viên;
- b) Triển khai và tổ chức thực hiện Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội;
- c) Thông qua kế hoạch, chương trình, quản lý và giám sát các hoạt động của UBOVN;

- d) Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các ban chức năng, các tổ chức trực thuộc UBOVN;
- đ) Quyết định kế hoạch tài chính của UBOVN;
- e) Quyết định khen thưởng và kỷ luật đối với các tổ chức thành viên và các Ủy viên Ban Chấp hành;
- g) Quyết định triệu tập Đại hội đại biểu UBOVN;
- h) Tìm kiếm các giải pháp thu hút nguồn tài trợ trong và ngoài nước, tổ chức hoạt động tạo nguồn kinh phí.

3. Hội nghị Ban Chấp hành:

- a) Mỗi năm Ban Chấp hành UBOVN họp một lần để kiểm điểm tình hình hoạt động của UBOVN trong năm qua và chương trình công tác năm tới;
- b) Hội nghị Ban Chấp hành UBOVN sẽ được thông báo cho các Ủy viên trước 15 ngày, do Chủ tịch triệu tập;
- c) Hội nghị Ban Chấp hành chỉ được tiến hành khi có trên 2/3 (hai phần ba) Ủy viên Ban Chấp hành có mặt. Các quyết định của kỳ họp được thông qua nếu có trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên có mặt tán thành. Tất cả các quyết định đều được ghi lại trong biên bản hoặc Nghị quyết và được thông báo tới các Ủy viên;
- d) Hội nghị bất thường sẽ tiến hành khi có yêu cầu của trên 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành UBOVN.

4. Các Ủy viên Ban Chấp hành có nhiệm vụ và quyền hạn:

- a) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành UBOVN;
- b) Tích cực tham gia các hoạt động của UBOVN, đóng góp có hiệu quả vào việc phát triển phong trào thể dục thể thao và nâng cao thành tích thể thao Việt Nam;
- c) Được ứng cử, đề cử và bầu cử Ban Thường vụ UBOVN;
- d) Được thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động của UBOVN;
- đ) Được đề xuất, thảo luận về các chủ trương, kế hoạch hoạt động của UBOVN;
- e) Được khen thưởng khi có thành tích xuất sắc;
- g) Có quyền xin ra khỏi Ban Chấp hành UBOVN.

Điều 17. Ban Thường vụ UBOVN

1. Ban Thường vụ là cơ quan lãnh đạo thường trực giữa 2 (hai) kỳ họp Ban Chấp hành. Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ không quá 1/3 (một phần ba) số Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

2. Ban Thường vụ họp thường kỳ 6 (sáu) tháng một lần. Các cuộc họp của Ban Thường vụ do Chủ tịch UBOVN triệu tập, chỉ được tổ chức khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên có mặt.

3. Ban Thường vụ có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Thay mặt Ban Chấp hành chỉ đạo, điều hành các hoạt động của UBOVN giữa 2 (hai) kỳ họp Ban Chấp hành để thực hiện Nghị quyết của Đại hội và Nghị quyết của các kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung, triệu tập và tổ chức các kỳ họp Ban Chấp hành; báo cáo kiểm điểm công tác với Ban Chấp hành;

c) Quyết định những công việc khẩn cấp và báo cáo trong Hội nghị gần nhất của Ban Chấp hành;

d) Thông qua hoặc đình chỉ, bãi miễn các chức danh Trưởng các Ban chức năng, Chánh Văn phòng và Trưởng các tổ chức trực thuộc của UBOVN;

đ) Thay mặt Ban Chấp hành phối hợp với Tổng cục Thể dục thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Đoàn thể thao Việt Nam và thực hiện các thủ tục đăng ký thi đấu theo đúng Điều luật, Điều lệ và quy định quốc tế;

e) Tổ chức các phiên họp với Lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao ở Trung ương, bộ, ngành và địa phương; Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia và các tổ chức khác để thông báo về chương trình, kế hoạch của UBOVN và bàn biện pháp phối hợp thực hiện;

g) Quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên có mặt tán thành. Tất cả các quyết định đều được ghi lại trong biên bản hoặc Nghị quyết và được thông báo tới các Ủy viên.

Điều 18. Chủ tịch

Chủ tịch có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Đại diện và chịu trách nhiệm về các hoạt động của UBOVN trước pháp luật;

2. Chủ tài khoản của UBOVN;

3. Chịu trách nhiệm trước UBOVN, Ban Chấp hành và Ban Thường vụ về mọi hoạt động của UBOVN;

4. Quyết định và giám sát mọi hoạt động của UBOVN;

5. Chủ trì các cuộc họp của UBOVN, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ UBOVN;

6. Phân công các Phó Chủ tịch thay mặt Chủ tịch giải quyết các công việc do Chủ tịch ủy quyền;

7. Phân công người phát ngôn của UBOVN;

8. Ký các văn bản về khen thưởng, kỷ luật, phê chuẩn, bãi miễn các chức danh của UBOVN khi đã được Đại hội hoặc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ thông qua;

9. Quyết định Trưởng ban, Phó Trưởng ban các ban chức năng; Chánh văn phòng, Phó chánh văn phòng; Trưởng, Phó trưởng đại diện.

Điều 19. Phó Chủ tịch

Các Phó Chủ tịch có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch về các mảng công tác do Chủ tịch phân công;
2. Phó Chủ tịch thường trực thay mặt Chủ tịch giải quyết các công việc do Chủ tịch ủy quyền;
3. Phó Chủ tịch có thể kiêm Trưởng một Ban chức năng của UBOVN.

Điều 20. Tổng Thư ký

1. Tổng Thư ký chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, giúp Chủ tịch điều phối các hoạt động của UBOVN.

2. Tổng Thư ký có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Giúp việc Lãnh đạo UBOVN điều hành, phối hợp các Ban chức năng, Văn phòng và các tổ chức trực thuộc khác để tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch về các mặt công tác của UBOVN;

b) Được uỷ quyền thứ nhất của Chủ tài khoản UBOVN;

c) Đề xuất hoặc đề xuất đình chỉ, bãi miễn nhân sự làm Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban chức năng, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng và Trưởng, Phó các tổ chức trực thuộc khác để Ban Thường vụ quyết định;

d) Giúp việc Lãnh đạo UBOVN đảm bảo mối quan hệ với IOC, ANOC, OCA, SEAGF và các tổ chức quốc tế khác.

Điều 21. Chủ tịch danh dự và thành viên danh dự của UBOVN

Nguyên Chủ tịch UBOVN được mời làm Chủ tịch danh dự của UBOVN; nguyên Tổng Thư ký UBOVN được mời làm thành viên danh dự của UBOVN. Chủ tịch danh dự và thành viên danh dự được mời tham dự các hội nghị Ban Chấp hành UBOVN và Đại hội đại biểu nhiệm kỳ, được phát biểu ý kiến, nhưng không được quyền biểu quyết, bầu cử và ứng cử vào các chức danh lãnh đạo của UBOVN.

Điều 22. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu. Số lượng Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định.

2. Trưởng Ban Kiểm tra là Ủy viên Ban Chấp hành UBOVN, do Ban Kiểm tra bầu trực tiếp trong số các Ủy viên Ban Kiểm tra. Ủy viên Ban Kiểm tra không nhất thiết là Ủy viên Ban Chấp hành.

3. Ban Kiểm tra hoạt động độc lập, làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước UBOVN về công tác kiểm tra của UBOVN.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ của UBOVN, Nghị quyết của Đại hội và các Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ UBOVN;

b) Kiểm tra việc thực hiện Quy chế hoạt động, Quy chế tài chính và các hoạt động khác của UBOVN;

c) Giám sát hoạt động của các tổ chức thành viên, các tổ chức trực thuộc, các Ủy viên Ban Chấp hành UBOVN.

Điều 23. Các Ban chức năng, Văn phòng và các tổ chức trực thuộc UBOVN

1. Các Ban chức năng, Văn phòng và các tổ chức trực thuộc UBOVN gồm:

a) Ban Chuyên môn và Luật;

b) Ban Thể thao cho mọi người;

c) Ban Thể thao thành tích cao;

d) Ban Thông tin, Truyền thông;

đ) Ban Vận động tài trợ;

e) Ban Y học và phòng, chống Doping;

g) Ban Quan hệ quốc tế;

h) Ban Phụ nữ và Thể thao;

i) Ban Giáo dục Olympic;

k) Ban Vận động viên;

h) Văn phòng;

i) Các tổ chức trực thuộc.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, Quy chế hoạt động của các Ban chức năng, Văn phòng và các tổ chức trực thuộc của UBOVN.

Chương V

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 24. Tài sản, tài chính của UBOVN

1. UBOVN có tài chính và tài sản riêng, được quyền thu, chi cho hoạt động theo quy chế tài chính của UBOVN và theo đúng quy định của pháp luật.

2. Năm tài chính của UBOVN bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 25. Phương thức quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của UBOVN

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính được thực hiện theo pháp luật, các quy định về tài chính hiện hành, quy định cụ thể của Ban Chấp hành.
2. Việc quyết toán tài sản, tài chính phải được báo cáo bằng văn bản trong các kỳ họp và Đại hội đại biểu của UBOVN.

Điều 26. Nguồn thu của UBOVN

1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
2. Tài trợ của IOC, OCA và các tổ chức thể thao quốc tế khác.
3. Tài trợ của các tổ chức kinh tế, xã hội và tư nhân ở trong nước và nước ngoài.
4. Thu niên liễm của các tổ chức thành viên.
5. Nguồn thu từ việc cấp phép sử dụng tên, biểu tượng và các hình thức dữ liệu khác thuộc quyền sở hữu của UBOVN.
6. Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Các khoản chi của UBOVN

1. Chi cho các hoạt động theo chương trình của UBOVN.
2. Chi cho các hoạt động của Văn phòng.
3. Chi hỗ trợ và khen thưởng cho các tài năng thể thao.
4. Chi phục vụ cho Đại hội, hội nghị, hội thảo của UBOVN.
5. Các khoản chi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Điều kiện giải thể và thanh, quyết toán tài sản, tài chính

1. Việc giải thể UBOVN được thực hiện theo quy định của pháp luật về hội và phù hợp với Hiến chương Olympic.
2. Việc thanh quyết toán tài sản, tài chính của UBOVN được thực hiện theo Điều lệ của UBOVN, quy định của pháp luật về hội và Hiến chương Olympic.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 29. Khen thưởng

1. Các tổ chức thành viên, các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc phát triển phong trào Olympic Việt Nam sẽ được UBOVN xem xét, khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước, IOC và các tổ chức khác khen thưởng.
2. Ban Chấp hành UBOVN quy định cụ thể thẩm quyền, thủ tục, tiêu chuẩn và hình thức khen thưởng.

Điều 30. Kỷ luật

1. Các tổ chức thành viên, các đơn vị và cá nhân thuộc UBOVN nếu có hành vi vi phạm Điều lệ và các quy định của UBOVN, Hiến chương Olympic hoặc làm tổn hại tới uy tín, danh dự của UBOVN sẽ bị xử lý kỷ luật.

2. Ban Chấp hành UBOVN quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự và hình thức kỷ luật.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu UBOVN mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ UBOVN phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đại biểu tán thành và được Bộ Nội vụ phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ sửa đổi, bổ sung của UBOVN gồm 7 Chương, 32 Điều đã được Đại hội đại biểu UBOVN lần thứ IV nhiệm kỳ 2012-2016 thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2012 tại thành phố Hà Nội.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ.

3. Trong khi thi hành Điều lệ này nếu có vấn đề phát sinh thì áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành và Hiến chương Olympic quốc tế.

4. Căn cứ các quy định pháp luật về Hội và Điều lệ UBOVN, Ban Chấp hành UBOVN có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.